

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
1	43434	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	AN	9/4	NỮ	17/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	6.75	4.00	1.00	
2	43435	TRẦN CHÍ	AN	9/6	NAM	01/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	9.00	7.25	2.00	
3	43440	MAI TRẦN QUẾ	ANH	9/5	NỮ	13/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	4.75	3.75	1.00	
4	43445	NGUYỄN TUẤN	ANH	9/2	NAM	31/08/2001	TIỀN GIANG	5.00	4.75	3.75	1.50	
5	43448	CAO GIA	BẢO	9/2	NAM	19/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	5.75	7.50	1.50	
6	43449	ĐOÀN NGỌC	BẢO	9/4	NAM	06/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.25	2.25	2.50	1.00	
7	43454	VÕ ANH	BẢO	9/5	NAM	04/12/2001	LONG AN	3.00	4.50	4.75	1.00	
8	43455	HUỖNH HỮU	BẮNG	9/3	NAM	15/03/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	4.50	6.25	1.50	
9	43457	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	9/1	NAM	21/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.50	5.75	4.75	1.50	
10	43458	PHAN THANH	BÌNH	9/5	NAM	02/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	4.50	3.50	1.50	
11	43460	LÊ THỊ HOÀNG	CHÂU	9/6	NỮ	31/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.75	4.50	1.75	1.50	
12	43462	TRƯƠNG TRẦN MINH	CHÂU	9/3	NỮ	12/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	5.75	5.50	1.00	
13	43465	ĐINH HOÀNG KIM	CƯỜNG	9/5	NỮ	14/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	8.00	8.00	1.50	
14	43467	LƯU CHÍ	CƯỜNG	9/2	NAM	17/01/2001	VŨNG TÀU	4.00	7.25	4.00	2.00	
15	43468	NGUYỄN HUỖNH	CƯỜNG	9/5	NAM	09/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	4.25	4.25	0.00	
16	43469	PHẠM TRÍ	CƯỜNG	9/4	NAM	28/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	3.25	3.00	1.00	
17	43472	LÊ CÔNG	DANH	9/3	NAM	27/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	3.25	0.25	1.00	
18	43473	NGUYỄN PHÚ	DANH	9/5	NAM	27/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	6.75	5.75	1.50	
19	43476	NGUYỄN THỊ KIỀU	DIỄM	9/3	NỮ	12/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.50	4.25	1.50	
20	43477	VÕ NGỌC	DIỄM	9/3	NỮ	24/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	4.75	5.25	1.50	
21	43480	LÊ XUÂN	DINH	9/5	NAM	05/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	7.75	4.75	1.50	
22	43482	NGUYỄN LÊ THẢO	DUNG	9/4	NỮ	06/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.75	5.50	2.75	1.50	
23	43484	NGUYỄN KHÁNH	DUY	9/1	NAM	20/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	3.25	3.00	1.00	
24	43488	TRẦN NGUYỄN PHƯỚC	DUY	9/2	NAM	03/04/2001	LONG AN	5.50	5.25	4.00	1.00	
25	43492	VÕ NGUYỄN MỸ	DUYÊN	9/2	NỮ	19/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	8.25	7.75	1.50	
26	43494	LÊ THỊ THUỖ	DƯƠNG	9/6	NỮ	04/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	3.00	4.75	1.50	

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
27	43497	CAO THÀNH	ĐẠT	9/3	NAM	20/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	2.75	4.00	0.50	
28	43507	NGUYỄN TUẤN	ĐÚC	9/1	NAM	08/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	4.25	5.00	1.50	
29	43512	NGUYỄN NGỌC	GIÀU	9/5	NỮ	25/01/2001	LONG AN	4.75	2.75	3.25	1.00	
30	43513	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	9/6	NỮ	10/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	-1.00	-1.00	-1.00	1.00	
31	43515	TRẦN VÕ BẮC	HÀ	9/2	NỮ	31/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.75	5.25	1.00	
32	43516	ĐOÀN VĂN	HẢI	9/5	NAM	22/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.75	3.00	3.25	1.00	
33	43518	TRẦN QUỐC	HẢI	9/4	NAM	11/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	3.75	3.75	1.00	
34	43519	TRẦN QUỐC	HẢI	9/1	NAM	19/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	1.50	2.75	0.50	
35	43520	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	9/6	NỮ	24/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.50	2.50	1.00	0.00	
36	43523	NGUYỄN THANH	HÀO	9/3	NAM	25/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.75	3.00	1.50	
37	43525	HUỲNH NGỌC	HÂN	9/4	NỮ	30/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	4.50	4.25	1.00	
38	43527	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	9/3	NỮ	27/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	8.50	8.00	2.50	
39	43528	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	9/1	NỮ	19/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	6.00	5.50	1.50	
40	43531	HUỲNH HOÀI	HẬN	9/5	NAM	04/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	6.50	5.25	1.00	
41	43533	NGÔ THỊ THANH	HẰNG	9/3	NỮ	30/09/2001	LONG AN	4.50	3.25	3.75	1.00	
42	43536	TRẦN THỊ MỸ	HẰNG	9/3	NỮ	19/09/2001	LONG AN	6.00	5.00	5.00	1.50	
43	43539	NGUYỄN TRUNG	HẬU	9/2	NAM	23/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	7.25	3.25	0.50	
44	43541	BÙI THẾ	HIỂN	9/1	NAM	29/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	8.00	7.25	1.00	
45	43546	PHAN TRUNG	HIẾU	9/5	NAM	02/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	6.50	8.25	1.50	
46	43548	TRẦN NHẬT	HÒA	9/6	NAM	09/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	5.50	4.50	1.00	
47	43551	ĐẶNG THU	HỒNG	9/6	NỮ	15/02/1999	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	3.25	3.00	1.00	
48	43554	PHAN MINH	HUÂN	9/3	NAM	18/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	8.50	6.50	1.00	
49	43555	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	9/2	NỮ	12/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	3.25	4.75	1.50	
50	43561	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	9/3	NỮ	20/05/2001	QUẢNG NGÃI	7.00	7.25	7.50	1.00	
51	43564	LÊ NHƯ	HUỲNH	9/1	NỮ	19/10/2001	LONG AN	4.50	5.50	2.25	0.00	
52	43569	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯỜNG	9/3	NỮ	23/01/2001	HUẾ	5.25	4.00	2.75	1.00	

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
53	43571	PHAN THỊ THU	HƯỜNG	9/2	NỮ	27/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	4.50	4.75	1.50	
54	43572	VÕ THỊ DIỄM	HƯỜNG	9/5	NỮ	20/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	5.25	2.75	1.00	
55	43573	PHAN MINH	KHA	9/4	NAM	16/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	7.75	6.75	0.00	
56	43574	TRẦN VŨ	KHA	9/1	NAM	29/09/2001	TRÀ VINH	5.50	3.75	3.50	1.00	
57	43575	TRẦN QUANG	KHẢI	9/4	NAM	09/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	2.25	3.75	1.75	1.00	
58	43586	VÕ THIÊN	KHIÊM	9/2	NAM	01/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	6.25	3.25	1.00	
59	43587	ĐOÀN LÊ ANH	KHOA	9/6	NAM	31/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	7.75	6.25	1.00	
60	43592	BÙI THỊ AN	KHƯỜNG	9/1	NỮ	01/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	7.00	7.25	0.50	
61	43593	KIỀU NGUYỆT VÂN	KHƯỜNG	9/1	NỮ	04/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	7.00	7.25	1.50	
62	43594	NGUYỄN HOÀNG	KHƯỜNG	9/4	NAM	10/07/2000	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	3.50	3.75	1.00	
63	43595	HỒ TRUNG	KIÊN	9/1	NAM	24/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	3.75	5.75	0.00	
64	43598	LẠI THỊ BÍCH	KIỀU	9/5	NỮ	26/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	3.75	2.75	1.00	
65	43604	NGUYỄN THÀNH	LÂM	9/2	NAM	10/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.75	4.00	4.25	0.50	
66	43606	PHẠM HOÀNG NHƯ	LÂM	9/4	NỮ	06/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.75	7.00	5.50	1.00	
67	43611	ĐOÀN THANH PHƯƠNG	LINH	9/4	NỮ	03/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	5.25	2.75	1.50	
68	43613	LÊ PHƯƠNG YẾN	LINH	9/3	NỮ	11/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	3.50	5.25	1.50	
69	43614	LÊ THUY TUYẾT	LINH	9/4	NỮ	07/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	6.25	4.50	1.50	
70	43615	LÊ VÕ HOÀI THOẠI	LINH	9/1	NỮ	06/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	5.25	5.50	0.50	
71	43617	NGUYỄN NGỌC TRÚC	LINH	9/6	NỮ	02/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	8.50	8.75	1.50	
72	43620	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	9/2	NỮ	29/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	4.00	3.00	1.00	
73	43622	TRỊNH THỊ HỒNG	LINH	9/5	NỮ	25/09/2001	VĨNH LỘC, THANH HÓA	7.50	6.50	5.25	1.00	
74	43625	NGUYỄN THÀNH	LONG	9/3	NAM	17/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	6.00	3.75	1.00	
75	43627	TRẦN LÊ THÀNH	LỘC	9/6	NAM	07/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	7.00	7.50	3.50	
76	43629	ĐẶNG MINH	LUÂN	9/2	NAM	20/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	6.25	2.50	0.50	
77	43630	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	9/1	NAM	24/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	4.75	3.00	0.50	
78	43637	PHAN NGUYỄN THANH	MAI	9/6	NỮ	24/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.00	3.75	1.00	

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
79	43638	CAO TIỂU	MẮN	9/4	NỮ	24/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	3.50	4.00	1.00	
80	43645	TRẦN THỊ TRÀ	MY	9/1	NỮ	17/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	5.25	3.50	1.00	
81	43654	HUỲNH THỊ THANH	NGÂN	9/5	NỮ	27/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	4.75	5.00	1.00	
82	43656	NGÔ NGỌC	NGÂN	9/5	NỮ	24/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	8.00	6.25	2.50	
83	43658	NGÔ THỊ THANH	NGÂN	9/2	NỮ	31/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	5.25	6.25	1.50	
84	43661	NGUYỄN NGỌC BÍCH	NGÂN	9/4	NỮ	23/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	5.75	5.50	0.50	
85	43663	NGUYỄN THỊ QUẾ	NGÂN	9/5	NỮ	05/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.75	4.50	6.50	1.50	
86	43664	PHẠM KIM	NGÂN	9/3	NỮ	24/01/2001	LONG AN	5.75	4.50	3.50	1.00	
87	43670	LÊ LƯ PHƯƠNG	NGHI	9/6	NỮ	06/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	7.75	6.50	0.50	
88	43674	VÕ TRUNG	NGHĨA	9/1	NAM	18/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	5.75	5.75	1.00	
89	43675	ĐOÀN NGUYỄN HỒNG	NGỌC	9/5	NỮ	26/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	3.50	5.00	1.00	
90	43677	LẠI THỊ BÍCH	NGỌC	9/6	NỮ	17/02/2001	LONG AN	7.00	5.50	5.00	1.00	
91	43678	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	9/1	NỮ	15/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	4.25	4.50	1.00	
92	43686	NGUYỄN THỊ THANH	NGỌC	9/2	NỮ	27/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	7.25	6.75	0.00	
93	43688	VÕ THỊ BÍCH	NGỌC	9/1	NỮ	26/11/2001	AN GIANG	7.25	4.75	2.75	1.00	
94	43690	LÊ THỊ THẢO	NGUYÊN	9/2	NỮ	21/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.25	3.00	1.00	
95	43692	TRẦN THỊ BÍCH	NGUYÊN	9/4	NỮ	19/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	6.75	7.00	1.50	
96	43693	TRẦN THỊ MAI	NGUYÊN	9/2	NỮ	28/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	3.50	5.75	1.50	
97	43695	PHẠM THANH	NHÀN	9/4	NỮ	04/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	4.50	5.75	1.00	
98	43696	TRẦN MINH	NHÀN	9/3	NỮ	04/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	8.00	7.50	1.50	
99	43699	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	9/3	NAM	01/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	3.25	1.25	0.50	
100	43700	NGUYỄN VŨ	NHÂN	9/6	NAM	20/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	6.00	4.25	1.50	
101	43701	PHẠM THÀNH TRỌNG	NHÂN	9/6	NAM	19/08/2001	LONG AN	6.00	2.25	2.00	1.00	
102	43707	NGUYỄN MINH	NHI	9/1	NỮ	22/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	6.00	4.25	1.00	
103	43711	PHẠM THỊ YẾN	NHI	9/6	NỮ	12/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	6.50	5.00	1.00	
104	43714	TRẦN THỊ MINH	NHI	9/1	NỮ	29/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	5.25	3.50	1.00	

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
105	43718	LÊ THỊ ÁNH	NHUNG	9/2	NỮ	12/01/2001	LONG AN	5.75	2.75	4.00	0.00	
106	43724	TRẦN THỊ HUỖNH	NHƯ	9/2	NỮ	23/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	3.00	1.50	0.00	
107	43725	TRƯỜNG NGỌC	NHƯ	9/2	NỮ	08/11/2001	SÓC TRĂNG	7.25	3.25	3.25	1.00	
108	43726	ĐOÀN MINH	NHỰT	9/3	NAM	04/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	6.25	6.25	1.00	
109	43728	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHỰT	9/5	NỮ	25/08/2001	AN GIANG	6.25	6.00	5.50	1.50	
110	43733	NGUYỄN TẤN	PHÁT	9/6	NAM	10/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	3.25	3.75	0.50	
111	43737	PHẠM ĐẶNG HẢI	PHONG	9/3	NAM	03/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	1.75	2.75	1.50	0.00	
112	43739	PHAN HOÀI	PHONG	9/3	NAM	10/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.50	3.75	1.00	1.00	
113	43743	LÝ THANH	PHÚ	9/6	NAM	27/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	5.75	7.25	1.50	
114	43747	ĐOÀN PHẠM HỒNG	PHÚC	9/5	NAM	25/03/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	5.50	5.50	1.50	
115	43759	LÊ NGỌC KIM	PHỤNG	9/1	NỮ	18/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	3.50	0.50	0.50	
116	43762	NGUYỄN PHI	PHỤNG	9/2	NỮ	27/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	2.75	3.50	0.50	
117	43763	TRẦN MINH	PHỤNG	9/5	NAM	01/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	2.75	4.25	0.50	
118	43764	BÙI MINH	PHƯỚC	9/6	NAM	23/09/2001	LONG AN	2.75	4.00	4.25	1.50	
119	43765	NGUYỄN MINH	PHƯỚC	9/2	NỮ	20/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	6.00	5.50	0.50	
120	43771	TRẦN MAI	PHƯƠNG	9/5	NỮ	21/06/2001	BẠC LIÊU	5.75	6.75	5.25	2.00	
121	43777	NGUYỄN NHẬT	QUANG	9/4	NAM	24/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	7.50	6.75	2.00	
122	43778	TRẦN VĂN	QUANG	9/1	NAM	12/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	1.75	4.00	1.00	
123	43779	HOÀNG MINH	QUÂN	9/2	NAM	05/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	9.50	5.75	1.50	
124	43780	HỒ NGUYỄN MINH	QUÂN	9/3	NAM	28/10/2001	LONG AN	3.25	2.50	0.25	0.50	
125	43781	LŨ THIÊN	QUÂN	9/2	NAM	10/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	4.75	2.50	0.50	
126	43783	PHẠM ANH	QUÂN	9/6	NAM	17/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	3.00	4.50	1.00	
127	43789	MAI NGUYỄN THỤC	QUYÊN	9/1	NỮ	19/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	5.25	6.00	2.50	
128	43790	PHẠM HOÀNG TỔ	QUYÊN	9/3	NỮ	30/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	8.50	7.00	1.50	
129	43792	TRẦN NGỌC	QUYÊN	9/5	NỮ	28/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	2.75	4.50	1.00	
130	43795	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	9/4	NỮ	28/07/2001	THANH HÓA	7.00	7.75	8.00	2.50	

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
131	43796	VÕ THỊ NHÃ	QUỲNH	9/1	NỮ	28/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	7.75	6.75	1.00	
132	43798	NGUYỄN HOÀNG	SANG	9/2	NAM	19/04/2001	BẾN TRE	6.25	6.25	6.75	0.50	
133	43803	NGUYỄN MINH	SƠN	9/4	NAM	21/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	2.75	1.75	1.50	
134	43812	NGUYỄN TẤN	TÀI	9/5	NAM	02/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	5.00	5.75	0.50	
135	43815	NGUYỄN DUY	TÂN	9/1	NAM	09/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	3.00	0.75	0.50	
136	43820	NGÔ THỊ THANH	THANH	9/3	NỮ	23/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	2.50	2.00	1.00	
137	43821	NGUYỄN THỊ THÁI	THANH	9/5	NỮ	06/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	4.00	6.25	1.50	
138	43822	NGUYỄN VĂN	THANH	9/2	NAM	11/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	1.00	0.00	1.00	
139	43831	LÊ THỊ THU	THẢO	9/4	NỮ	15/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	7.25	7.25	1.50	
140	43837	PHAN THỊ THANH	THẢO	9/5	NỮ	23/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	3.00	2.75	1.00	
141	43838	THÁI NGỌC THU	THẢO	9/2	NỮ	16/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	5.00	5.75	1.00	
142	43842	PHAN THÀNH	THẮNG	9/3	NAM	11/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	4.25	1.25	1.00	
143	43843	TRANG QUANG	THẮNG	9/1	NAM	03/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	5.50	6.75	1.00	
144	43845	PHẠM NGỌC YẾN	THỊ	9/1	NỮ	15/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	2.00	3.00	1.00	
145	43847	HỒ XUÂN	THỊNH	9/3	NAM	19/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	6.25	5.00	1.50	
146	43851	CAO THỊ HOA	THƠM	9/4	NỮ	20/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	4.25	4.00	1.50	
147	43855	NGUYỄN	THUẬN	9/3	NAM	18/12/2001	LONG AN	6.50	4.50	5.00	1.50	
148	43858	HỒ HUỲNH KIM	THÙY	9/4	NỮ	03/11/2001	LONG AN	5.25	4.50	5.00	1.50	
149	43861	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÚY	9/2	NỮ	11/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.00	4.50	4.25	1.50	
150	43865	LÊ THỊ ANH	THỨ	9/2	NỮ	16/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.50	3.00	3.00	1.00	
151	43866	MAI HOÀNG ANH	THỨ	9/2	NỮ	20/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	3.25	3.25	1.50	1.50	
152	43869	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	9/4	NỮ	08/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.75	6.00	6.00	1.50	
153	43870	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	9/6	NỮ	24/06/2001	LONG AN	5.00	4.00	2.25	0.50	
154	43872	TRẦN NGỌC ANH	THỨ	9/1	NỮ	26/09/2001	TIỀN GIANG	5.75	3.50	2.75	1.00	
155	43874	NGUYỄN HOÀNG MAI	THY	9/6	NỮ	19/11/2001	LONG AN	7.25	6.75	6.50	1.00	
156	43879	HUỲNH NGỌC KIỀU	TIỀN	9/6	NỮ	04/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	6.00	6.50	1.50	

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
							VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
157	43881	PHAN NGUYỄN KIỀU MỸ TIỀN	9/2	NỮ	29/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	4.25	3.25	1.50	
158	43882	PHAN THUỶ TIỀN	9/5	NỮ	16/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	5.25	6.75	1.00	
159	43885	PHAN THÀNH TIẾN	9/5	NAM	26/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.50	4.50	3.75	0.50	
160	43887	HUỲNH TRUNG TÍN	9/6	NAM	11/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	6.75	7.25	1.50	
161	43894	NGUYỄN THỊ TRANG	9/3	NỮ	13/04/2001	THÁI NGUYÊN	6.00	3.25	6.50	1.50	
162	43896	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	9/6	NỮ	21/10/2001	PHÚ THỌ	7.00	3.25	4.25	0.50	
163	43900	NGUYỄN NGỌC TRÂM	9/5	NỮ	20/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	6.75	6.25	1.50	
164	43909	NGUYỄN NGỌC QUẾ TRÂN	9/3	NỮ	12/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.00	2.75	4.25	1.50	
165	43910	PHAN HUỲNH BẢO TRÂN	9/3	NỮ	24/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	4.75	5.25	1.50	
166	43918	HUỲNH THỰC THẢO TRINH	9/4	NỮ	04/12/2001	BÌNH PHƯỚC	8.00	5.50	5.50	0.00	
167	43920	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG TRINH	9/2	NỮ	05/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	8.00	8.25	6.00	1.50	
168	43922	TRẦN THỊ MỸ TRINH	9/1	NỮ	26/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.25	6.25	6.75	1.50	
169	43927	VÕ HOÀNG XUÂN TRÚC	9/4	NỮ	19/09/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.00	4.00	4.50	1.00	
170	43928	VÕ HUỲNH THANH TRÚC	9/6	NỮ	24/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.75	4.25	1.50	
171	43930	NGÔ TẤN TRUNG	9/5	NAM	12/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	7.25	7.50	0.50	
172	43933	NGUYỄN QUỐC TRUNG	9/2	NAM	24/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	3.50	3.75	1.50	
173	43938	LÊ HOÀNG TÚ	9/4	NAM	01/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	7.00	6.50	1.50	
174	43940	NGUYỄN THANH TÚ	9/3	NAM	14/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.75	3.75	1.75	0.00	
175	43941	TRẦN NGỌC BẢO TÚ	9/1	NAM	15/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	8.00	5.75	0.50	
176	43942	TRƯỜNG HỒ THANH TÚ	9/4	NAM	02/12/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	3.25	5.25	0.50	
177	43943	NGUYỄN THANH TUẤN	9/3	NAM	02/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	5.25	6.00	1.00	
178	43945	PHAN NGUYỄN MINH TUẤN	9/5	NAM	21/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.00	5.50	3.50	1.00	
179	43946	VÕ TRẦN THANH TUẤN	9/2	NAM	01/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.25	8.50	5.75	1.00	
180	43948	TRẦN HUỲNH THANH TÙNG	9/2	NAM	10/08/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	6.00	5.00	1.00	
181	43949	TRẦN PHƯƠNG TÙNG	9/6	NAM	11/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	4.00	5.00	0.00	
182	43953	NGUYỄN THỊ THANH TUYẾN	9/6	NỮ	04/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.25	4.25	0.50	

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
183	43954	TRẦN THỊ THANH	TUYỂN	9/1	NỮ	09/06/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	3.75	5.75	1.50	
184	43967	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	9/2	NỮ	20/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.75	5.75	4.50	1.00	
185	43970	TRẦN THANH	VÂN	9/6	NỮ	15/05/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	7.50	2.50	3.50	0.50	
186	43972	VÕ THỊ BÍCH	VÂN	9/3	NỮ	20/11/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.50	4.50	4.50	1.50	
187	43974	TRẦN TÂN ĐỀ	VÍCH	9/5	NAM	03/07/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	4.25	3.75	3.75	0.00	
188	43975	THÂN VĂN	VIỆT	9/1	NAM	12/04/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.50	3.75	2.00	0.50	
189	43983	NGUYỄN THANH	VŨ	9/4	NAM	06/02/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.25	3.25	6.00	0.50	
190	43988	NGUYỄN NGÔ THUÝ	VY	9/6	NỮ	24/01/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	6.75	9.75	6.25	1.50	
191	43993	NGUYỄN TƯỜNG	VY	9/4	NỮ	17/10/2001	TP. HỒ CHÍ MINH	5.75	4.25	5.25	1.50	

TỔNG CỘNG CÓ 191 THÍ SINH

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS HƯNG LONG

Số TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
							VĂN	N. NGỮ	TOÁN		